

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v: Ly hôn giữa anh B và chị T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Hữu B - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố Vân Côi, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm Giữa, xã Yên Mỹ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh B, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Hữu B trình bày: Anh chung sống với chị Bùi Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gôi huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định vào ngày 30/11/2007. Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Anh và chị T đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2016 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016. Nếu chị T không muốn nuôi con thì anh xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa án, bị đơn chị B Thị T trình bày: Chị chung sống với anh Trần Hữu B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gòì huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định vào năm 2007. Vợ chồng chung sống được khoảng chín năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên chị và anh B đã ly thân từ tháng 9/2016 đến nay. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị và anh Trần Hữu B có 02 con chung là cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016. Chị để cho anh B nuôi cả 02 con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã về địa phương để xác minh, T thập chứng cứ bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị Bùi Thị T cho biết: Anh Trần Hữu B và chị B Thị T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gòì huyện Vụ Bản vào năm 2007. Anh chị chung sống đến khoảng tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khi chị Bùi Thị T sinh cháu Trần Khánh N được một tháng thì cho con về nhà bố mẹ đẻ chơi, đến khi quay về thì anh B không cho chị T về nhà và nói cháu N không phải con anh. Chị T và anh B ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2016 đến nay. Chị T và anh B có 02 con chung là cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016. Hiện cháu H đang sống cùng anh B còn cháu N đang sống với chị T. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân giữa chị T và anh B gia đình không nắm được. Quan điểm của gia đình muốn chị T và anh B về chung sống với nhau, nhưng nếu anh B nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do chị T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Hữu B, xử ly hôn giữa anh Trần Hữu B và chị Bùi Thị T. Về con chung, giao cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016 cho anh Trần Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Hữu B về việc không yêu cầu chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân, anh B và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn anh Trần Hữu B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh B thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Hữu B và chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh chị theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu B và chị B Thị T kết hôn vào ngày 30/11/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gôi huyện Vụ Bản tỉnh

Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2016 đến nay. Anh Trần Hữu B làm đơn xin ly hôn chị Bùi Thị T cũng đồng ý. Xét mâu Tẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Hữu B, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Trần Hữu B và chị B Thị T có 02 con chung là cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016. Anh Trần Hữu B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, chị T cũng đồng ý để anh B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; cháu H có nguyện vọng ở với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B và chị T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh B, chị T không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Hữu B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Hữu B và chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị T H, sinh ngày 18/11/2010 và Trần Khánh N, sinh ngày 20/10/2016 cho anh Trần Hữu B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp

nhận sự tự nguyện của anh Trần Hữu B về việc không yêu cầu chị Bùi Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Trần Hữu B phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003533 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh Trần Hữu B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trần Hữu B và chị Bùi Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn Gôi,
huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

